

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 232/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới:

Phạm vi lập quy hoạch khoảng 2.171,33 km² bao gồm diện tích tự nhiên của huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, trong đó diện tích đất tự nhiên khoảng 581,83 km², diện tích vùng biển khoảng 1.589,5 km².

2. Thời hạn quy hoạch:

Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030, giai đoạn dài hạn đến năm 2040, tầm nhìn quy hoạch đến năm 2050.

3. Mục tiêu quy hoạch:

- Xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn phù hợp với chiến lược phát triển biển Việt Nam, quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội Khu kinh tế Vân Đồn và các định hướng của tỉnh Quảng Ninh;

- Xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn trở thành một trong những vùng động lực phát triển kinh tế của Việt Nam, nằm trong nhóm dẫn đầu về thành phố đáng sống của khu vực châu Á - Thái Bình Dương; trung tâm kinh tế năng động, tập trung vào du lịch, sản xuất sản phẩm cao cấp và dịch vụ; trung tâm kinh doanh thương mại quốc tế của khu vực;

- Phấn đấu là thành phố hiện đại, thông minh; một nơi hấp dẫn để mọi người đến sinh sống, làm việc và vui chơi hòa hợp với thiên nhiên; đảm bảo môi trường sạch dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ xanh thân thiện với môi trường;

- Xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn trở thành khu vực phòng thủ vững chắc nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội;

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng và các dự án đầu tư xây dựng thuộc Khu kinh tế.

4. Tính chất:

- Là khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực, trung tâm công nghiệp giải trí có casino, du lịch biển - đảo cao cấp, dịch vụ tổng hợp; là cửa ngõ giao thương quốc tế để tạo ra những sản phẩm độc đáo, khác biệt, hiện đại với chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh quốc tế;

- Là đô thị biển đảo xanh, hiện đại và thông minh, bền vững;

- Là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

5. Dự báo sơ bộ phát triển:

- Dự báo sơ bộ quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 140.000 - 200.000 người; đến năm 2040 khoảng 300.000 - 500.000 người. Dự báo phát triển khách du lịch: Đến năm 2030 khoảng 2,5 triệu lượt khách; đến năm 2040 khoảng 6,0 - 9,5 triệu lượt khách.

- Dự báo đất xây dựng đến năm 2040: Trong đó đất công nghiệp, dịch vụ logistic khoảng 1.500 - 2.000 ha; đất xây dựng các khu chức năng đô thị khoảng 4.000 - 6.000 ha; đất dịch vụ du lịch khoảng 5.000 - 8.000 ha.

(Dự báo quy mô đất đai và dân số sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch).

- Các tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật áp dụng vào phát triển đô thị và các khu chức năng khác về nguyên tắc dựa trên các tiêu chuẩn đô thị loại II. Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế một cách phù hợp để đưa vào nghiên cứu trong đồ án, làm tiền đề xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn phát triển theo mô hình đô thị thông minh, đô thị xanh.

(Các chỉ tiêu cụ thể sẽ xác định trong giai đoạn nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung).

6. Yêu cầu về nội dung nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn:

Trên cơ sở rà soát, kế thừa các yếu tố hợp lý của đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009, đánh giá các định hướng chiến lược của quốc gia và tỉnh Quảng Ninh đối với khu vực Vân Đồn nhằm khai thác phát triển tối ưu các quỹ đất, tiềm năng phát triển từng khu vực; đề xuất các khu chức năng, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật hợp lý cho khu kinh tế.

Nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng và làm rõ một số nội dung sau:

a) Đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng

- Phân tích, đánh giá các đặc điểm tự nhiên về địa hình, khí hậu, thủy văn, địa chất..., đặc điểm cảnh quan sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch của Khu kinh tế Vân Đồn và các khu vực phụ cận có ảnh hưởng đến định hướng phát triển khu kinh tế. Đánh giá chi tiết về quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng.

- Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội: Tổng quan về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ninh và khu kinh tế Vân Đồn, xem xét thực trạng phát triển các ngành, các lĩnh vực chủ yếu.

- Hiện trạng dân cư, lao động, việc làm: Thống kê dân số, lao động, cơ cấu nghề nghiệp, tỉ lệ dân số, lao động (05 năm gần nhất); phân tích xu hướng phát triển dân số, tình hình phân bố dân cư (đô thị - nông thôn), các hiện tượng dịch cư, các vấn đề do đô thị hóa.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và không gian cảnh quan: Thống kê hiện trạng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch; phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng đất và các vấn đề tồn tại về sử dụng đất, cảnh quan không gian cần giải quyết để đáp ứng với yêu cầu phát triển.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội: Thực trạng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội trên địa bàn Khu kinh tế. Xác định những vấn đề còn tồn tại về hệ thống hạ tầng xã hội để đáp ứng Khu kinh tế xanh, hiện đại, thông minh.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường: Bao gồm chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp nước, thoát nước thải, cấp điện, chiếu sáng, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang... trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch. Xác định những vấn đề còn tồn tại về hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế để đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn từ năm 2009 đến nay; đánh giá hiện trạng đầu tư và phát triển Khu kinh tế theo quy hoạch, các đồ án quy hoạch và dự án đầu tư có liên quan đã được phê duyệt. Đánh giá sự phù hợp của các quy hoạch, dự án đang và dự kiến đầu tư.

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng, đề xuất các vấn đề cần giải quyết và những nội dung quy hoạch năm 2009 cần điều chỉnh; xác định các thế mạnh cần khai thác làm cơ sở hướng tới mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

b) Phân tích, đánh giá vai trò, vị thế, tiềm năng và động lực phát triển

Phân tích vai trò, vị thế Khu kinh tế Vân Đồn trong mối quan hệ với khu vực và quốc tế, mối liên hệ với Hạ Long, Cẩm Phả, Móng Cái về dịch vụ, du lịch; mối quan hệ với Hải Phòng, Hà Nội về dịch vụ, hạ tầng và nguồn nhân lực; mối quan hệ với các trọng điểm phát triển khác của vùng và quốc gia để xác định các tiềm năng, lợi thế phát triển, các mối quan hệ hợp tác phát triển và xác định các động lực phát triển, lựa chọn các ngành kinh tế mũi nhọn theo từng giai đoạn, tạo sức lan tỏa của Khu kinh tế Vân Đồn.

c) Định hướng phát triển không gian

Nghiên cứu, rà soát, kế thừa hợp lý các định hướng của Quy hoạch chung 2009 và các quy hoạch ngành có liên quan; trên cơ sở địa hình cảnh quan, khả năng kết nối hạ tầng kết hợp các yếu tố đặc thù, nghiên cứu, đề xuất cấu trúc phát triển không gian và cơ cấu phân khu chức năng cho Khu kinh tế trên nguyên tắc hài hòa về không gian, hợp lý linh hoạt trong liên kết chia sẻ chức năng và có thể kiểm soát dễ dàng, xác định các vùng phát triển như:

- Khu vực phía Tây đảo Cái Bàu (thuộc các xã Đoàn Kết, Bình Dân, Đài Xuyên) với lợi thế của sân bay Vân Đồn, đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái, định hướng phát triển các chức năng: Khu thương mại tự do, sản xuất công nghệ cao, dịch vụ hậu cần và đô thị; với quy mô đất xây dựng khoảng 6.000 ha.

- Khu vực phía Bắc đảo Cái Bàu (thuộc các xã Vạn Yên - Đài Xuyên) gắn với khai thác phát triển cảng biển Vạn Hoa, Mũi Chùa, đường trục chính phía Bắc, nối với quốc lộ 4D; hướng phát triển các chức năng: Đô thị phức hợp, dịch vụ du lịch, sản xuất công nghiệp, cảng biển; với quy mô đất xây dựng khoảng 5.000 ha.

- Khu vực phía Đông và Nam đảo Cái Bàu (thuộc các xã Đông Xá, Hạ Long, Vạn Yên và thị trấn Cái Rồng), hướng phát triển các chức năng: Trung tâm tài chính quốc tế và dịch vụ du lịch chất lượng cao, dịch vụ văn hóa sáng tạo, vui chơi giải trí; với quy mô đất xây dựng khoảng 5.000 ha.

- Khu vực phía Đông quần đảo Vân Hải gồm các đảo Trà Bản, Minh Châu - Quan Lạn, Ngọc Vũng, Phượng Hoàng, Vạn Cảnh ...; định hướng khai thác phát triển các khu du lịch biển cao cấp.

- Khu vực các đảo thuộc hệ thống vườn quốc gia Bái Tử Long được ưu tiên bảo tồn, hạn chế hoạt động xây dựng, khai thác cho các mục tiêu sinh thái.

d) Định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn khu và các phân khu chức năng theo các giai đoạn phát triển

- Đề xuất quy hoạch sử dụng đất cho các khu chức năng và các hạng mục công trình chính theo cấu trúc và phân khu đã lựa chọn. Thiết lập ranh giới cho các khu chức năng: Khu vực hành chính, dịch vụ, du lịch và các hạng mục trọng tâm khác...

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất từng khu vực nhằm phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát phát triển. Đề xuất điều chỉnh bổ sung thêm hoặc bố trí lại các hạng mục công trình được nghiên cứu theo quy hoạch chi tiết đã phê duyệt nếu cần thiết.

- Xác định ranh giới, quỹ đất các khu vực lân biển, các khu vực bảo tồn tự nhiên, khai thác vùng bờ phục vụ sản xuất và du lịch, đất dự trữ phát triển... trên cơ sở phân bố hài hòa, đảm bảo được cảnh quan, thuận lợi khi triển khai thực hiện và bảo đảm tuân thủ các chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, các quy định pháp luật.

đ) Đề xuất định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị

- Đề xuất bố cục không gian kiến trúc cảnh quan cho toàn bộ khu kinh tế và phân vùng chức năng cụ thể.

+ Nghiên cứu định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội: Khu công nghiệp, trung tâm hành chính, dịch vụ thương mại, tài chính, du lịch, giáo dục và y tế, thể dục thể thao, các không gian mở, hệ thống cây xanh, công viên, quảng trường... theo hướng chất lượng cao, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi của người dân, du khách và lao động tại khu kinh tế, phù hợp với đặc điểm biển đảo của Vân Đồn. Xác định vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

+ Nghiên cứu tổ chức không gian kết nối giữa khu vực đô thị sân bay Vân Đồn, đô thị dịch vụ Cái Rồng, khu vực Bắc Cái Bầu và quần đảo Vân Hải.

+ Nghiên cứu tổ chức không gian khu vực chính tại đô thị sân bay Vân Đồn, đô thị dịch vụ Cái Rồng, khu vực Bắc Cái Bầu và các khu du lịch tại đảo Quan Lạn, Ngọc Vũng... và các khu chức năng khác.

+ Không gian sinh thái biển đảo; các trục không gian cảnh quan trục kết nối với đường đối ngoại, sân bay...

+ Nghiên cứu thiết kế đô thị tổng thể bao gồm các trục, vùng kiểm soát phát triển, các công trình điểm nhấn, các vùng cảnh quan không gian mở; các điểm trọng tâm mang tính biểu tượng của quốc gia, của khu kinh tế, các cửa kiểm soát tại cửa ngõ khu kinh tế.

- Xác định các giải pháp kiểm soát, quản lý và quy định cho từng khu vực phát triển. Đề xuất tổ chức hệ thống cây xanh mặt nước trong các khu vực xây dựng với các khu vực tự nhiên trong khu kinh tế.

e) Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội

Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống công trình hạ tầng kinh tế xã hội bao gồm: công nghiệp, dịch vụ, du lịch, trụ sở làm việc, nhà ở, y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao,... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của khu kinh tế và vùng lân cận theo các giai đoạn phát triển.

Định hướng quy hoạch bố trí các khu vực phục vụ sản xuất, nghiên cứu sáng tạo, dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục tại khu vực phía Tây và Bắc đảo Cái Bàu để đáp ứng nhu cầu sử dụng chung của Khu kinh tế và các khu vực lân cận. Bố trí các chức năng dịch vụ hỗ trợ du lịch, tài chính và dịch vụ văn hóa sáng tạo tại khu vực phía Đông đảo Cái Bàu để hỗ trợ phát triển dịch vụ du lịch.

Quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội theo hướng chất lượng cao, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi của người dân, du khách và lao động tại Khu kinh tế, phù hợp với đặc điểm biển đảo của Vân Đồn.

g) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Về hệ thống giao thông

Ưu tiên phát triển mạng lưới giao thông kết nối đa phương tiện một cách thuận tiện giữa hệ thống giao thông đối nội với giao thông đối ngoại, tổ chức các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu vận tải tăng cao của khu kinh tế, đặc biệt là với khu vực sân bay Vân Đồn và các cảng biển dự kiến.

Quy hoạch phát triển hệ thống giao thông công cộng, giao thông sạch và giao thông đường thủy kết nối các đảo, hệ thống giao thông tĩnh trong khu kinh tế để phù hợp với đặc điểm biển đảo của khu vực. Quy hoạch phân loại, phân cấp các tuyến giao thông và đề xuất các giải pháp thiết kế cho mạng lưới giao thông nội bộ. Đề xuất mạng lưới và các công trình hỗ trợ phát triển giao

thông công cộng hoạt động trong khu kinh tế cũng như kết nối với các khu vực khác, các vùng lân cận. Xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình đầu mối giao thông.

- Về chuẩn bị kỹ thuật

Rà soát, xác định cao độ khống chế cho các khu chức năng, tính toán ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Chọn mô hình hệ thống thoát nước mưa, xác định các lưu vực thoát nước chính, kết cấu mạng lưới cống và mương trong khu vực xây dựng tập trung của khu kinh tế.

- Về quy hoạch cấp nước

Xác định chi tiêu và nhu cầu dùng nước; quy hoạch nguồn cấp nước, nghiên cứu bổ sung nguồn cấp nước mặt từ Cẩm Phả, Tiên Yên để cấp nước cho các khu vực đảo thuộc Khu kinh tế Vân Đồn; đề xuất các giải pháp xây dựng công trình cấp nước.

- Về quy hoạch cấp điện, chiếu sáng

Xác định chi tiêu, nhu cầu sử dụng điện; lựa chọn cân đối nguồn điện; đề xuất giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện, dự kiến các công trình đầu mối cho từng giai đoạn quy hoạch. Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp cho chiếu sáng. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo thân thiện môi trường như điện gió, điện mặt trời

- Về quy hoạch thông tin liên lạc

Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động, dự kiến các công trình đầu mối theo từng giai đoạn quy hoạch và mạng lưới truyền dẫn quang đồng bộ theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khu kinh tế theo mô hình đô thị thông minh.

- Về quy hoạch thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, nghĩa trang

Xác định chi tiêu và dự báo khối lượng thoát nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. Định hướng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; nghĩa trang và nhà tang lễ.

h) Đánh giá môi trường chiến lược

Nhận dạng và dự báo các tác động đến môi trường do các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội gây ra. Khoanh định các vùng bảo vệ thiên nhiên, các vùng cảnh quan, khu vực cấm xây dựng, khu vực bảo tồn... khu vực bảo vệ nguồn nước sạch, xử lý nước thải, bãi thải, vùng ảnh hưởng khói bụi, khí độc hại, tiếng ồn...

Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường, khắc phục ô nhiễm và các yếu tố tác động môi trường trong quá trình xây dựng, chú trọng giải pháp kiểm soát ô nhiễm về môi trường biển với các giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo phát triển bền vững.

i) Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện

Phân kỳ tổ chức thực hiện và xác định mục tiêu phát triển cụ thể cho từng giai đoạn quy hoạch. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo động lực phát triển, đảm bảo phù hợp với dự báo nguồn lực thực hiện. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường đợt đầu. Đề xuất các dự án chiến lược và lộ trình, phương thức thực hiện.

k) Yêu cầu khác

- Việc lập quy hoạch xây dựng cần chú trọng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh;

- Đề xuất quy định quản lý quy hoạch phù hợp đồ án quy hoạch và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và yêu cầu thực tế.

7. Thành phần hồ sơ

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ và các quy định pháp luật về quy hoạch và xây dựng.

8. Tổ chức thực hiện

Thời gian lập quy hoạch không quá 12 tháng sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không kể thời gian chờ thẩm định, phê duyệt.

Trách nhiệm các cơ quan liên quan:

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.

- Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí lập quy hoạch; phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, KGVX, NN, NC;
- Lưu: VT, CN (2b). PC *đb*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng